TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05/02/2018
V/v ly hôn giữa chị Y và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vương Hồng Giang;**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Lưu Khánh Toàn;**
2. Bà Lý Thị Duyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trình Duy Y** (tên gọi khác: Trình Thị T),
Sinh năm: 1992; (có mặt)
Trú tại: Thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.
Bị đơn: **Phạm Văn H**, sinh năm 1990 (vắng mặt);
Trú tại: Thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.
Hiện đang chấp hành án tại Đội 1, Phân trại 1, Trại giam Vĩnh Quang, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trình Duy Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn H ngày 26/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hai bên có tổ chức lễ cưới theo

phong tục tập quán địa phương, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến cuối năm 2015 anh H bắt đầu nghiện ma túy, mặc dù chị và gia đình đã khuyên bảo, giúp đỡ, tạo điều kiện cho anh Hữu cai nghiện, nhưng anh H vẫn không từ bỏ được ma túy. Do đó cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Đến năm 2016 chị cùng anh H đi làm ở Hà Nội, tại đây anh H vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, chị đã khuyên bảo rất nhiều nhưng không được, nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài liên tục và ngày càng trầm trọng, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tháng 7/2016 anh H đã bị Công an bắt về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù giam, hiện anh H đang chấp hành án tại đội 1, phân trại 1, Trại Giam Vĩnh Quang, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, nên chị xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Y xác định vợ chồng chị có một con chung tên là Phạm Đức A, sinh ngày 14/01/2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay anh H đang phải chấp hành án, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 17/01/2018, biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2017, bị đơn Phạm Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình hôn nhân cơ bản đúng như lời trình bày của chị Trình Duy Y, trong quá trình chung sống vợ chồng anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên có xung đột, cãi vã nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa thuận, không hạnh phúc. Nay chị Y xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng anh có một con chung, sau khi ly hôn anh nhất trí giao con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 14/01/2014 cho chị Trình Duy Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì hiện nay anh đang phải chấp hành án trong Trại giam, không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định vợ chồng anh không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Phạm Văn H còn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh vì hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang nên không tham gia phiên tòa được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX sơ thẩm căn cứ các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, xem xét quyết định:

- Về hôn nhận: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Y. Chị Y được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 14/01/2014 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 chị Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Hiện nay bị đơn là anh Phạm Văn H đang chấp hành án tại Trại giam Vĩnh Quang. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hữu đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Do vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

2. *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Trình Duy Y và anh Phạm Văn H là hợp pháp. Hai bên đương sự đều thừa nhận từ cuối năm 2015 cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh H nghiện ma túy, chị Y khuyên bảo nhiều lần nhưng không được nên dẫn đến thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, mâu thuẫn kéo dài liên tục dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Đến nay các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân.Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Y cương quyết xin ly hôn và anh H cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Y và anh H đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y.

3. *Về con chung*: Các đương sự có 01 con chung tên là Phạm Đức A, sinh ngày 14/01/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Y có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai ngày 17/01/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2018, anh H cũng nhất trí sau khi ly hôn giao con chung cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Trình Duy Y không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo được xã hội. Căn cứ vào các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận thỏa thuận trên của hai bên đương sự.

4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trình Duy Y. Chị Trình Duy Y được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Phạm Đức A, sinh ngày 14/01/2014 cho chị Trình Duy Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến năm con chung đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trình Duy Y không yêu cầu, do vậy anh Phạm Văn H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

ngày 30/12/2016. Chị Trình Duy Y phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí do chị Y đã nộp theo biên lai số 07653, ngày 30/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Quảng Chu;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Hồng Giang